



Bản Tin

# CÔNG THƯƠNG



**SỞ CÔNG THƯƠNG NINH THUẬN**

ĐC: Đường 16/4, P. Mỹ Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

ĐT: 0259 3 822 977 - Fax: 0259.3824881

Email: [soc@ninhthuan.gov.vn](mailto:soc@ninhthuan.gov.vn) - Website: <http://ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/soc>

*Chúc Mừng Năm Mới*

HAPPY NEW YEAR

**Quân 2021**  
Tân Sửu

**SỐ 04**  
THÁNG 02/2021



*Thiền viện Trúc Lâm Viên Ngộ  
Ninh Thuận*



*Tháp Chăm Poklong Garai  
Ninh Thuận*

## MỤC LỤC

*Trang 01 : Tin trong tỉnh*

*Trang 02-03 : Thị trường hàng hóa đáng quan tâm*

*Trang 04-07 : Xuất nhập khẩu*

*Trang 07-09 : Sản xuất kinh doanh*

*Trang 10 : Tin thế giới*

*Trang 11-12 : Doanh nghiệp cần biết*



*Đồi cát Sơn Hải ở Mũi Dinh  
Ninh Thuận*

# TIN TRONG TỈNH

## Lễ công bố và kết nối nguồn hàng vào điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại Chợ đêm Ninh Thuận

Chiều ngày 30 tháng 12 năm 2020, ông Trần Quốc Sanh, Phó Giám đốc Sở Công Thương chủ trì Lễ công bố và kết nối nguồn hàng vào điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại Chợ đêm du lịch Ninh Thuận. Cùng tham dự Hội nghị có đại diện Hội Nông dân tỉnh; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại; Phòng kinh tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Công ty TNHH Thanh Quý – Chợ đêm Ninh Thuận; các chủ thể OCOP; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm tiềm năng OCOP, sản phẩm đặc thù của tỉnh.

Tại buổi công bố, ông Trần Quốc Sanh, Phó Giám đốc Sở Công Thương có một buổi trao đổi rất sôi động và ý nghĩa giữa nhà phân phối bán lẻ với chủ thể tham gia OCOP: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm tiềm năng OCOP, sản phẩm đặc thù tỉnh tiếp tục duy trì chất lượng hàng hóa hiện



có; mẫu mã đẹp, phong phú về chủng loại, giá cả hợp lý để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nhằm đẩy mạnh kết nối tiêu thụ sản phẩm và hy vọng Điểm bán này là kênh bán hàng ổn định, bền vững tại địa bàn thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; đồng thời mong muốn sản phẩm đặc thù của tỉnh, sản phẩm tiềm năng OCOP và sản phẩm OCOP xếp hạng từ 3 sao trở lên sẽ có điều kiện vươn xa hơn ra ngoài các tỉnh trong khu vực, đặc biệt là xuất khẩu. Đại diện Công ty TNHH Thanh Quý – Chợ đêm Ninh Thuận, Bà Trương Thị Trinh, Giám đốc Công ty sẽ tập trung giới thiệu, quảng bá sản phẩm

OCOP, đặc thù của tỉnh đến với khách hàng một cách chuyên nghiệp nhất. Sở Công Thương tiếp tục là cầu nối để liên kết nhà phân phối bán lẻ với các cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm để đưa sản phẩm vào điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP, đặc thù của tỉnh.

Kết thúc buổi công bố, ông Trần Quốc Sanh, Phó Giám đốc Sở Công Thương trao quyết định bàn giao trang thiết bị Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cho Công ty TNHH Thanh Quý – Chợ đêm Ninh Thuận.

**Phòng QLTM**

# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

## ĐÁNG QUAN TÂM TRONG TUẦN

### Thị trường nông sản tuần qua

Tuần qua, nhiều nông sản như cà phê, tiêu đã có sự giảm giá mạnh. Đặc biệt là mặt hàng tiêu, sau khi có sự bật tăng khá tốt vào tuần trước đó. Tuần qua, mặt hàng này quay đầu lao dốc mạnh, thậm chí có nơi giá tiêu đã về mốc 50.000 đồng/kg.

### Thị trường trong nước

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, giá một số loại lúa giảm nhẹ. Ngày 8/1, giá lúa tươi thường tại tỉnh dao động từ 6.600 - 6.800 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với cuối tuần trước; một số loại lúa chất lượng cao như OM cũng giảm nhẹ 100 đồng/kg, còn từ 6.800 - 7.000 đồng/kg; một số loại lúa khác vẫn duy trì giá ổn định như: lúa Đài Thơm 8 từ 7.000 - 7.200 đồng/kg; lúa Nhật 7.700 - 7.900 đồng/kg.

Trong khi đó, giá một

số mặt hàng gạo tại An Giang có sự tăng nhẹ. Giá gạo thường dao động ở mức 10.500 - 11.500 đồng/kg, gạo Jasmine từ 14.500 - 15.000 đồng/kg, tăng 200 - 500 đồng/kg. Một số gạo vẫn duy trì ổn định như: gạo Nhật 24.000 đồng/kg, tấm thường 12.000 đồng/kg, nếp từ 13.000 - 14.000 đồng/kg, gạo Hương Lài 19.500 đồng/kg...

Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến trong tháng 1/2021, một số địa phương Đồng bằng sông Cửu Long sẽ thu hoạch khoảng trên 1,2 triệu tấn lúa vụ Đông Xuân sớm.

Tại thị trường nội địa, dự kiến tháng 1/2021 giá gạo tiếp tục giữ vững ở mức cao do nhu cầu mua đều và đặc biệt là nhu cầu từ kho gạo chợ làm hàng Tết.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng khối lượng gạo xuất khẩu cả năm 2020 đạt 6,15 triệu tấn với giá trị

3,07 tỷ USD, giảm 3,5% về khối lượng nhưng tăng 9,3% về giá trị so với năm 2019. Philippines đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với khoảng 32% thị phần.

Nhìn lại cả năm 2020, giá lúa, gạo tại thị trường Đồng bằng sông Cửu Long biến động theo chiều hướng tăng, với giá lúa thường tăng khoảng 1.500 - 2.000 đồng/kg; lúa chất lượng cao tăng khoảng 1.000 - 1.200 đồng/kg, tùy từng thời điểm và mùa vụ. Giá lúa sụt giảm thấp nhất vào khoảng tháng 2 do nguồn cung thu hoạch vụ Đông Xuân dồi dào và nhu cầu tiêu thụ yếu.

### Thị trường thế giới

Về thị trường gạo châu Á, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ gia tăng trong tuần này do đồng rupee mạnh và nhu cầu cao hơn từ các quốc gia khác, trong khi giá gạo tại Thái Lan cũng tăng cao hơn dấy lên lo ngại về việc mất ưu

thế cạnh tranh so với các đối thủ châu Á khác.

Tại thị trường Ấn Độ, giá gạo tẩm 5% được giao dịch ở mức 383-390 USD/tấn trong tuần này, tăng so với mức 381-387 USD/tấn của tuần trước đó.

Ông Himanshu Agarwal, Giám đốc điều hành tại Công ty Satyam Balajee, nhà xuất khẩu gạo lớn nhất Ấn Độ, cho biết giá gạo tăng do đồng rupee mạnh lên, song mức giá này vẫn khá cạnh tranh. Đồng rupee của Ấn Độ đã tăng lên mức cao nhất trong 4 tháng trong tuần này, làm giảm lợi nhuận của các thương nhân trong giao dịch với đối tác nước ngoài.

Chính phủ Bangladesh đã thông qua thỏa thuận mua 150.000 tấn gạo từ Công ty NAFED của Ấn Độ. Nhập khẩu gạo của Dhaka có thể sẽ tăng lên 2 triệu tấn vào niên vụ 2020/21.

Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo 5% tẩm của Việt Nam ổn định ở mức 500-505 USD/tấn. Theo các doanh nghiệp, thị trường gạo năm 2021 sẽ có nhiều điểm sáng khi nhập khẩu

gạo của Philippines dự báo sẽ tăng thêm 0,4 triệu tấn vì sản lượng gạo dự kiến giảm gần 8% và tiêu thụ sẽ tăng đều đặn. Ngoài ra, lượng gạo nhập khẩu của Bồ Đào Nha, Nigeria và Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) dự báo sẽ tăng 200.000 tấn/nước. Nhập khẩu gạo dự kiến sẽ tăng nhẹ ở Guinea, Iran, Madagascar, Mali và Mỹ. Đây là cơ hội cho ngành gạo Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu.

Việt Nam cũng bắt đầu mua gạo từ Ấn Độ lần đầu tiên sau nhiều thập niên, khi giá gạo trong nước tăng lên mức cao nhất trong 9 năm.

Giá gạo 5% tẩm tiêu chuẩn của Thái Lan tuần này đã tăng lên mức 515-520 USD/ tấn, từ mức 510- 516 USD/tấn của tuần trước. Các thương nhân tại Bangkok cho biết nhu cầu đối với gạo Thái Lan không tăng, phần lớn do đồng baht mạnh, dẫn đến giá gạo xuất khẩu của nước này cao hơn so với giá chào bán gạo của Việt Nam và Ấn Độ.

Về thị trường nông sản Mỹ, giá các loại nông sản giao kỳ hạn diễn biến trái

chiều trên Sàn giao dịch nông sản Chicago (CBOT) của Mỹ trong phiên giao dịch cuối tuần ngày 8/1, trong đó, ngô Mỹ và đậu tương đều tăng giá, trong khi giá lúa mì lại hạ.

Khép phiên này, giá ngô giao tháng 3/2021 tăng 2,25 xu Mỹ (0,46%) lên 4,9625 USD/bushel. Giá đậu tương giao cùng kỳ hạn cũng tăng 19,5 xu Mỹ (1,44%), lên 13,7475 USD/bushel. Trong khi đó, giá lúa mì giao tháng 3/2021 lại giảm 3,5 xu Mỹ (0,54%) xuống 6,3875 USD/bushel (1 bushel lúa mì/đậu tương = 27,2 kg; 1 bushel ngô = 25,4 kg).

Công ty nghiên cứu AgResource có trụ sở tại Chicago (Mỹ) nhận định rằng, giá đậu tương đang hướng tới mức 14 USD/bushel, còn giá ngô kỳ hạn cũng hướng tới mức 5,1 USD/bushel.

Sự phục hồi mạnh mẽ của giá đậu tương trong tuần này là do thiếu hụt nguồn cung trên thị trường. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) thông báo nước này sẽ bán 204.000 tấn đậu tương cho Trung Quốc trong niên vụ 2020-2021.

**Trung tâm TTCN&TM**

# XUẤT NHẬP KHẨU?

## Thị trường nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa 11 tháng năm 2020

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa 11 tháng năm 2020 đạt 971,03 triệu USD, tăng 2,5% so với 11 tháng năm 2019.

Riêng tháng 11/2020 kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt 78,85 triệu USD, tăng 37,4% so với tháng 10/2020 nhưng giảm 5% so với tháng 11/2019.

Newzealand, Mỹ, Maslaysia và Thái Lan là các thị trường chủ yếu cung cấp sữa và sản phẩm cho Việt Nam; trong đó nhập khẩu từ Newzealand đạt 262,46 triệu USD, chiếm 27% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, giảm 1,7% so với 11 tháng năm 2019; tiếp theo là thị trường Mỹ đạt 164,48 triệu USD, chiếm 16,9%, tăng 38%; thị trường Maslaysia đạt 61,52 triệu USD, chiếm 6,3%, tăng 21,7%; Thái Lan đạt 56,85 triệu USD, chiếm 5,9%, tăng 0,2% .

Nhìn chung, trong 11 tháng năm 2020, kim ngạch nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa từ các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh ở một số thị trường như: Singapore giảm 53,5%, đạt 42,43 triệu USD; Pháp giảm 28,8%, đạt 27,31 triệu USD.

Nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa 11 tháng đầu năm 2020

(Tính toán theo số liệu công bố ngày 12/12/2020 của TCHQ)

ĐVT: USD

Thị trường	Tháng 11/2020	So tháng 10/20209 (%)	11 tháng năm 2020	So với cùng kỳ (%)	Tỷ trọng
<i>Thị trường</i>	<i>78.748.925</i>	<i>37,36</i>	<i>971.030.354</i>	<i>2,51</i>	<i>100</i>
New Zealand	22.519.119	118,29	262.462.862	-1,66	27,03
Mỹ	13.607.056	57,23	164.482.024	37,97	16,94
Malaysia	3.569.982	-5,09	61.519.184	21,65	6,34
Thái Lan	4.330.600	-4,17	56.853.305	0,22	5,85
Nhật Bản	6.347.180	109,12	56.025.336	25,1	5,77
Australia	6.871.146	26,45	55.014.114	21,42	5,67
Singapore	6.120.257	98,01	42.426.297	-53,45	4,37
Đức	3.221.550	-8,09	38.285.281	-12,05	3,94
Hà Lan	2.424.829	68,05	37.085.286	28,28	3,82
Ireland	377.933	-76,09	32.726.995	-17,28	3,37
Pháp	2.008.491	-2,97	27.314.236	-28,82	2,81
Ba Lan	480.438	-41,51	25.971.937	57,15	2,67

Thụy Sĩ	1.025.943	-36,9	20.368.537	32,99	2,1
Hàn Quốc	1.139.165	-26,79	14.451.112	15,44	1,49
Tây Ban Nha	220.573	-55,35	9.830.792	-16,77	1,01
Philippines	36.031	-92,66	6.117.392	4,91	0,63
Bỉ	144.733	-86,45	5.718.797	-36,31	0,59
Đan Mạch	196.978	2,2	1.873.943	-17,31	0,19

### Philippines dự kiến nhập khẩu khoảng 1,69 triệu tấn gạo năm 2021

Thông tin từ Philippines mới đây cho biết, quốc gia này sẽ cần nhập khẩu ít nhất 1,69 triệu tấn gạo trong năm nay để đáp ứng đủ nhu cầu trong nước.

Philippines đang đối mặt với nguy cơ khan hiếm gạo do nguồn cung gạo trong nước năm nay bị thắt chặt, giữa bối cảnh thị trường gạo thế giới đang lao đao vì tình trạng vận chuyển gạo bị chậm trễ và xu hướng tích trữ lương thực trên toàn cầu.

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Philippines, Ariel Cayan, cho biết, con số 1,69 triệu tấn trên là mức tối thiểu sẽ phải nhập khẩu trong năm nay để đảm bảo cho quốc gia này có đủ gạo cho người dân và có gạo dự trữ tương đương 90 ngày – đủ cho đến vụ thu hoạch lúa ở nước này, vào tháng 7 tới.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo Philippines năm nay sẽ nhập khẩu 2,3 triệu tấn gạo.

Thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới này thường dành tới 90% lượng gạo nhập khẩu để mua của Việt Nam.

Bộ trưởng Nông nghiệp William Dar cho biết, mặc dù mất mùa do các trận bão lớn hồi cuối năm 2020, nhưng sản lượng thóc nước này năm 2020 ước tính đạt kỷ lục 19,44 triệu tấn.

Năm 2021, nước này đặt mục tiêu sản xuất 20,48 triệu tấn thóc.

Nhập khẩu gạo vào Philippines năm 2020 đạt 2,3 triệu tấn, so với mức kỷ lục cao 2,9 triệu tấn của năm 2019, khi nước này dỡ bỏ những hạn chế nhập khẩu gạo kéo dài suốt 2 thập kỷ, khiến tư nhân tăng cường nhập vào.

### USDA dự báo nhập khẩu sản lượng, tiêu thụ và tồn trữ gạo thế giới

Dưới đây là báo cáo chi tiết của USDA công bố tháng 12/2020 về nhập khẩu sản lượng, tiêu thụ và tồn trữ gạo thế giới.

(Báo cáo tháng 12/2020, ĐVT: nghìn tấn; gạo quy xay xát)

	2016/17	2017/18	2018/19	2019/20	2020/21 (T11)*	2020/21 (T12)**
<b>Tổng NK</b>	<b>45.463</b>	<b>45.904</b>	<b>42.116</b>	<b>41.598</b>	<b>42.174</b>	<b>42.651</b>
Bắc Mỹ	2.056	2.075	2.132	2.460	2.430	2.430
Caribbean	1.146	1.067	1.076	1.132	1.165	1.165
Nam Mỹ	1.886	1.947	1.939	2.159	2.053	2.023
Các nước Châu Âu khác	124	111	119	120	120	120
SNV (12 nước)	538	551	560	507	533	533

Trung Đông	6.527	6.655	7.203	6.860	7.105	7.255
Bắc Phi	459	591	1.022	595	585	585
Châu Phi cận Sahara	14.758	14.638	13.895	13.675	14.270	14.600
Đông Á	7.486	6.015	4.402	4.075	4.000	4.000
Nam Á	4.057	2.635	944	1.180	1.220	1.270
SouthĐông Á	3.666	6.797	5.821	5.260	5.235	5.235
EU	1.990	1.922	2.159	2.400	2.450	2.450
<b>Tổng sản lượng</b>	<b>491.488</b>	<b>494.711</b>	<b>497.041</b>	<b>496.069</b>	<b>501.109</b>	<b>501.201</b>
Bắc Mỹ	7.292	5.842	7.295	6.036	7.373	7.373
Caribbean	990	932	1.010	965	981	976
Nam Mỹ	16.983	16.962	16.014	16.252	16.315	16.448
EU - 28	2.087	2.030	1.964	1.984	1.975	1.975
SNG (12 nước)	1.263	1.236	1.283	1.349	1.346	1.346
Trung Đông	2.549	2.658	2.616	2.950	2.857	2.857
Bắc Phi	4.837	4.340	2.844	4.345	4.042	4.042
Châu Phi cận Sahara	17.792	17.258	18.662	19.237	19.613	19.613
Đông Á	162.678	163.433	162.740	160.699	161.055	160.712
Nam Á	156.874	158.809	165.785	168.680	169.956	169.977
Đông Nam Á	116.821	120.044	116.064	112.948	114.636	114.636
<b>Tổng tiêu thụ nội địa</b>	<b>477.501</b>	<b>480.851</b>	<b>484.491</b>	<b>493.439</b>	<b>497.088</b>	<b>497.694</b>
Bắc Mỹ	5.499	5.577	5.890	5.928	6.000	5.996
Central America	1.295	1.301	1.313	1.391	1.369	1.383
Caribbean	2.102	1.984	2.111	1.987	2.106	2.106
Nam Mỹ	15.066	15.030	14.930	14.667	14.902	14.897
EU - 28	3.600	3.700	3.800	4.050	4.150	4.150
SNG (12 nước)	1.569	1.601	1.592	1.618	1.661	1.661
Trung Đông	8.664	9.043	9.352	9.485	9.730	9.880
Bắc Phi	4.724	4.620	4.591	4.650	4.677	4.677
Châu Phi cận Sahara	31.119	31.476	32.865	33.047	33.629	33.964
Đông Á	158.121	158.948	158.939	160.570	161.880	161.880
Nam Á	141.579	144.720	145.623	152.780	153.388	153.459
Đông Nam Á	103.595	102.324	102.977	102.766	103.091	103.116
<b>Tổng dự trữ cuối vụ</b>	<b>150.632</b>	<b>164.220</b>	<b>176.926</b>	<b>177.910</b>	<b>179.777</b>	<b>178.983</b>
Bắc Mỹ	1.634	1.084	1.561	1.087	1.773	1.800
Trung Mỹ	339	264	292	271	271	264
Caribbean	276	275	303	349	379	389



Nam Mỹ	2.100	2.193	1.828	1.758	1.823	1.796
EU - 28	1.188	1.176	1.188	1.253	1.163	1.163
Trung Đông	1.458	1.479	1.508	1.722	1.754	1.858
Bắc Phi	1.426	1.563	949	1.199	1.129	1.162
Châu Phi cận Sahara	3.360	3.185	3.028	2.210	2.074	2.080
Đông Á	103.204	113.196	118.766	120.195	120.445	120.076
Nam Á	23.171	25.840	32.402	33.023	34.322	33.622
Đông Nam Á	12.074	13.589	14.891	14.621	14.389	14.314
Châu Đại dương	208	232	52	26	46	250

\* Dự báo công bố tháng 11/2020

\*\* Dự báo công bố tháng 12/2020

Trung tâm TTCN&TM

# SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản 11 tháng năm 2020

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Nhật Bản đạt 35,9 tỷ USD, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Nhật Bản đạt 17,5 tỷ USD, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm 2019; nhập khẩu của Việt Nam từ Nhật Bản đạt 18,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam nhập siêu từ Nhật Bản 936 triệu USD.

### Kim ngạch thương mại Việt Nam – Nhật Bản 11 tháng đầu năm 2020

(Đơn vị: tỷ USD)

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng XNK	Nhập siêu
11T/2020	17,5	18,4	35,9	0,94
Tăng/giảm so với 11T/2019	-5,7%	3,6%	-1,1%	

(Nguồn: Hải quan Việt Nam)

Tình hình xuất khẩu sang Nhật Bản cụ thể theo nhóm hàng trong 11 tháng đầu năm 2020 như sau:

- Nhóm hàng chế biến, chế tạo đạt kim ngạch xuất khẩu 13,5 tỷ USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn là: hàng dệt may (đạt 3,2 tỷ USD, giảm 11,4%); phương tiện vận tải và phụ tùng (2,1 tỷ USD, giảm 10,2%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (1,8 tỷ USD, tăng 3,7%); gỗ và sản phẩm gỗ (1,16 tỷ USD, giảm 1,6%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (889,4 triệu USD,

giảm 5,2%); giày dép các loại (768,2 triệu USD, giảm 12,7%); điện thoại các loại và linh kiện (854,3 triệu USD, tăng 13,4%); sản phẩm từ chất dẻo (620 triệu USD, giảm 7,5%); túi xách, ví, vali, mũ và ô dù (307 triệu USD, giảm 17,3%)...

- Nhóm hàng nông, thủy sản đạt kim ngạch xuất khẩu 1,65 tỷ USD, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2019, với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: hàng thủy sản (1,3 tỷ USD, giảm 3,5%); cà phê (170,4 triệu USD, tăng 15,4%); hàng rau quả (118,2 triệu USD, tăng 5,1%); hạt điều (38 triệu USD, tăng 62,5%); cao su (14 triệu USD, giảm 12,3%); hạt tiêu (6,8 triệu USD, giảm 0,1%)...

- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản đạt kim ngạch xuất khẩu 154,9 triệu USD, giảm 53,4% so với cùng kỳ năm 2019, với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: dầu thô (92 triệu USD, giảm 63,5%); than đá (46,9 triệu USD, giảm 26,8%); quặng và khoáng sản khác (15,9 triệu USD, giảm 0,5%).

- Nhóm hàng vật liệu xây dựng đạt kim ngạch xuất khẩu 796,9 triệu USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2019, với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: sản phẩm từ sắt thép (442,3 triệu USD, tăng 0,3%); dây điện và dây cáp điện (286,7 triệu USD, giảm 3,3%); sắt thép các loại (67,9 triệu USD, giảm

38%).

Tình hình nhập khẩu từ Nhật Bản cụ thể theo nhóm hàng trong 11 tháng đầu năm 2020 như sau:

- Nhóm hàng chế biến, chế tạo đạt kim ngạch nhập khẩu 15,3 tỷ USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó các mặt hàng có kim ngạch lớn là: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (4,95 tỷ USD, tăng 21,7%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (4 tỷ USD, giảm 6,1%); phế liệu sắt thép (859 triệu USD, tăng 36,4%); sản phẩm từ chất dẻo (717,5 triệu USD, giảm 7,1%); vải các loại (587,3 triệu USD, giảm 21,3%)...

- Nhóm hàng nông, thủy sản đạt kim ngạch nhập khẩu 274,3 triệu USD, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2019, với các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: hàng thủy sản (146,6 triệu USD, tăng 20%); cao su (127,7 triệu USD, giảm 11,7%);

- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản đạt kim ngạch nhập khẩu 101,1 triệu USD, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm 2019, với các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: than đá (69,1 triệu USD, tăng 115%); sản phẩm khác từ dầu mỏ (25,6 triệu USD, giảm 8,8%); quặng và khoáng sản khác (6 triệu USD, tăng 18,6%);

- Nhóm hàng vật liệu xây dựng đạt kim ngạch nhập khẩu 1,85 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2019,

với các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: sắt thép các loại (1,3 tỷ USD, tăng 4,4%); sản phẩm từ sắt thép (437 triệu USD, giảm 16,4%); dây điện và dây cáp điện (118 triệu USD, giảm 5,3%).

Về tình hình đầu tư, tính đến ngày 20/11/2020 đã có 109 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đạt 26,4 tỷ USD. Nhật Bản xếp thứ 4 với tổng vốn đầu tư 2,1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 7,6%, (sau Singapore 8,1 tỷ USD, chiếm 30,6%; Hàn Quốc 3,7 tỷ USD, chiếm 14%; Trung Quốc 2,4 tỷ USD, chiếm 9,1%).

### **Da giày kỳ vọng tăng mạnh kim ngạch xuất khẩu trong năm 2021**

Xuất khẩu ngành da, giày, túi xách sẽ tăng trưởng 15 - 20% trong năm 2021 nếu tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt.

Bị ảnh hưởng lớn do tác động của dịch Covid-19, tính chung 11 tháng năm 2020, sản lượng giày dép da sản xuất ước đạt 265,6 triệu đôi, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Chỉ số sản xuất da và các sản phẩm có liên quan cũng giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Công Thương, Tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại tháng 11/2020 ước đạt 1,4 tỷ USD, tăng 0,1% so với tháng trước; tính chung 11 tháng năm 2020 xuất khẩu ước đạt

14,93 tỷ USD, giảm 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Bà Trần Thị Hương, Phó Tổng giám đốc Công ty Tập đoàn Gia Định cho biết, năm 2020 do ảnh hưởng bởi Covid-19 nên các đơn hàng giảm 20 - 30%. Thậm chí tại Mỹ, lượng đơn hàng giảm tới 50%.

11 tháng năm 2020, sản lượng giày dép da sản xuất ước đạt 265,6 triệu đôi, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019.

11 tháng năm 2020, sản lượng giày dép da sản xuất ước đạt 265,6 triệu đôi, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Tuy nhiên, hiện nay tình hình đang khởi sắc, các đơn hàng tăng trở lại. Hiện nay, Tập đoàn Gia Định đã đủ đơn hàng để thực hiện đến tháng 2/2021. Tuy nhiên, thời gian thanh toán các đơn hàng bị kéo dài gấp đôi so với trước đây lên 180 ngày. Do đó, doanh nghiệp phải tìm nguồn tài chính để ổn định sản xuất.

"Nếu dịch Covid-19 trên thế giới, đặc biệt là tại châu Âu không được kiểm soát tốt, nhiều nước tiếp tục bị phong tỏa sẽ khiến việc xuất khẩu khó khăn hơn. Hiện doanh nghiệp chưa có kịch bản đối phó với vấn đề này", bà Hương bày tỏ lo ngại.

Theo bà Phan Thị Thanh Xuân, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam, ngay từ đầu năm 2020, dịch

Covid-19 đã gây đứt gãy chuỗi cung cầu. Dự kiến cả năm nay, xuất khẩu mặt hàng da giày có thể giảm 10% so với năm 2019, đạt khoảng 20 tỷ USD, tương đương năm 2018.

"Dù vậy, đây là mức giảm nhẹ so với mức độ tác động của dịch Covid-19 đối với kinh tế toàn cầu. Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh nên việc sản xuất không bị gián đoạn nhiều, nhờ đó, các đơn hàng dịch chuyển về Việt Nam. Đó là lợi thế lớn của Việt Nam giúp khôi phục sản xuất", bà Phan Thị Thanh Xuân nhấn mạnh.

Về triển vọng năm 2021, Bộ Công Thương nhận định, FTA Việt Nam-EU (EVFTA) sẽ là động lực lớn cho tăng trưởng của ngành giày dép, túi xách trong tháng còn lại của năm 2020 và 2021.

Nhận định da giày là một trong những ngành tận dụng tốt nhất Hiệp định EVFTA, bà Phan Thị Thanh Xuân cho rằng, xuất khẩu ngành da, giày, túi xách sẽ tăng trưởng 15 - 20% trong năm 2021 nếu tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, các DN trong ngành cần đầu tư mạnh vào công nghiệp chế biến nguyên phụ liệu để đáp ứng yêu cầu qui tắc xuất xứ.

"Ngành công nghiệp da giày Việt Nam rất phát triển khi đứng thứ hai trên thế giới. Tuy nhiên, hiện chưa có ngành công nghiệp hỗ trợ tương xứng. Chương trình

phát triển công nghiệp hỗ trợ là giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Khi tham gia hội nhập quốc tế phải đáp ứng yêu cầu của các thị trường phát triển giúp doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu đó", bà Xuân nói.

Thời gian tới, ngành da giày vẫn các định chiến lược chủ lực tập trung cho xuất khẩu, tham gia mạnh vào chuỗi giá trị. Từ đại dịch Covid-19 cho thấy đứt gãy chuỗi cung gây ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng tới sản xuất, buộc toàn ngành phải nhìn nhận lại chiến lược.

"Nếu phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu nguyên phụ liệu, khi xảy ra vấn đề chuỗi cung doanh nghiệp sẽ rất bị động. Thời gian sắp tới là cơ hội rất tốt để toàn ngành và Chính phủ thiết lập lại chính sách mạnh hơn cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Chúng ta phải chớp lấy cơ hội này để phát triển sản xuất nguyên phụ liệu ở Việt Nam", bà Xuân nhấn mạnh.

Phó Tổng giám đốc Công ty Tập đoàn Gia Định cũng chia sẻ thêm kế hoạch của doanh nghiệp mình. "Hiện, công ty đang xây dựng nhà máy nguyên phụ liệu cho da, giày nhằm đáp ứng các yêu cầu quy tắc xuất xứ ở các thị trường khó tính. Năm 2021, hoạt động xuất khẩu sẽ tăng trưởng 20%.

**Trung tâm TTCN&TM**

# Tin THẾ GIỚI



## Thị trường lúa gạo Châu Á tuần tới 25/12: Giá đồng loạt vững và tăng

Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan tuần này tăng vọt lên mức cao kỷ lục trong vòng 6 tháng, trong khi gạo Việt Nam duy trì ở mức cao nhất 9 năm do nguồn cung không dồi dào.

Gạo 5% tấm của Thái Lan hiện có giá 516 – 520 USD/tấn, cao nhất kể từ ngày 11/6. Tuần trước, giá gạo này là 500 – 519 USD/tấn.

Nguyên nhân giá tăng là do nguồn cung trong nước giảm nhanh, mặc dù nhu cầu vẫn trầm lắng. Có dự báo khách hàng Nhật Bản sắp mua gạo Thái Lan.

Gạo xuất khẩu của Việt Nam tuần này giá không thay đổi so với tuần trước, là 500 USD/tấn. Đây là mức giá cao nhất kể từ tháng 12/2011.

Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo dự báo lượng gạo Việt Nam xuất khẩu trong năm nay sẽ đạt 6,0 – 6,2 triệu tấn, thấp hơn so với mục tiêu đặt ra trước đây là 6,5 triệu tấn.

Reuters dẫn lời một thương gia ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: “Thương mại gạo lúc này rất chậm vì nguồn cung trong nước giảm sút”, và thêm rằng, việc mua thóc từ Campuchia về có thể sẽ giúp làm giảm bớt tình trạng khan hiếm nguồn cung.

Theo thương nhân này: “Nhu cầu dự báo sẽ tăng trong những ngày tới, và chúng tôi hy vọng xuất khẩu gạo năm 2021 sẽ khả quan khi có nhu cầu mua mạnh từ Philippines”.

Tại Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, loại gạo đỏ 5% tấm tuần này giá cũng tăng lên 381 – 387 USD/tấn, so với 380 – 385 USD/tấn của tuần trước, do nhu cầu cao từ các khách hàng Bangladesh và Châu Phi.

Reuters dẫn lời một nhà xuất khẩu gạo có trụ sở ở Kakinada (bang Andhra Pradesh, miền nam Ấn Độ) cho biết: “Nhu cầu (từ khách hàng nước ngoài) vẫn tốt, nhưng các chuyển hàng đang bị chậm do tình trạng tắc nghẽn tại các cảng”.

**GIÁ GẠO TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG (USD/tấn)**

Gạo trắng	10/12	25/12	Gạo đỏ	10/12	25/12
5% tấm - Thái Lan	515	529	100% stxd - Thái Lan	515	529
5% tấm - Việt Nam	498-502	498-502	5% tấm - Pakistan	408-412	440-444
5% tấm - Ấn Độ	358-362	368-372	5% tấm - Ấn Độ	368-372	373-377
5% tấm - Pakistan	410-414	419-423	4% tấm - Mỹ	591-595	591-595
4% tấm - Mỹ	585-589	585-589	<b>Gạo thơm</b>		
25% tấm - Thái Lan	504	516	Hommali 100% - Thái Lan	899	893
25% tấm - Việt Nam	473-477	473-477	Hương Nhài - Việt Nam	593-597	608-612
25% tấm - Ấn Độ	328-332	328-332	Basmati 2% tấm - Ấn Độ	-	-
25% tấm - Pakistan	358-362	378-382	Basmati 2% tấm - Pakistan	-	-
15% tấm - Mỹ	560-564	560-564	Pkha Malis/Rumduol - Campuchia	800	830

Nguồn: *Thairriceexporters (Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan)*

## DOANH NGHIỆP

## CẦN BIẾT

**Sẽ có chính sách ưu tiên nguồn lực cho nuôi biển**

Năm 2020, trong bối cảnh hoạt động nuôi thủy sản nước lợ gặp nhiều khó khăn, hoạt động nuôi biển của nước ta vẫn có bước tăng trưởng ấn tượng.

Năm 2020, trong bối cảnh hoạt động nuôi thủy sản nước lợ gặp nhiều khó khăn, hoạt động nuôi biển của nước ta vẫn có bước tăng trưởng ấn tượng.

Theo Tổng cục Thủy sản, năm 2020, nuôi biển nước ta tiếp tục có sự tăng trưởng tốt. Diện tích nuôi biển đạt 260 nghìn ha và 7,5 triệu m<sup>3</sup> lồng; sản lượng đạt 600 nghìn tấn. Trong đó, cá biển 8,7 nghìn ha và 3,8 triệu m<sup>3</sup> lồng, sản lượng 38 nghìn tấn; nhuyễn thể 54,5 nghìn ha, sản lượng 375 nghìn tấn; tôm hùm 3,7 triệu m<sup>3</sup> lồng, sản lượng 2,1 nghìn tấn; rong biển 10.150 ha, sản lượng 120 nghìn tấn; còn lại là cua biển và các đối tượng nuôi khác.

Tại hội nghị tổng kết ngành thủy sản năm 2020, triển khai công tác năm 2021, Thứ trưởng Bộ NN-PTNT Phùng Đức Tiến cho biết: Trong năm 2021 cũng như giai đoạn tới, chủ trương của ngành thủy sản Việt Nam là từng bước chuyển đổi từ khai

thác sang nuôi trồng và giảm số lượng tàu; tăng cường số tàu xa bờ và giảm tàu gần bờ để bảo vệ hệ sinh thái. Đồng thời tăng cường được bảo tồn cả khu sinh thái và cả số lượng loài...

Theo đó, định hướng sẽ giảm khai thác thủy hải sản từ 3,9 triệu tấn/năm xuống 2,8 triệu tấn, đồng thời tăng cường nuôi biển. Để phục vụ cho chiến lược này, bên cạnh việc đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nuôi biển, nhất là thu hút đầu tư nuôi biển công nghệ cao, Bộ NN-PTNT sẽ có những chính sách ưu tiên nguồn lực đầu tư cho việc củng cố, xây dựng mới hệ thống hạ tầng phục vụ cho nuôi biển...

Trong năm 2021, Tổng cục Thủy sản sẽ tham mưu lãnh đạo Bộ NN-PTNT các giải pháp tháo gỡ khó khăn và tiếp tục chỉ đạo địa phương triển khai đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực; cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển.

Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến từ đó tạo ra các sản phẩm chủ lực có chất lượng, đáp ứng với nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Tập trung phát triển nuôi

trồng thủy sản các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế cao theo hướng nâng cao giá trị, hình thành các chuỗi liên kết, bảo toàn về chất lượng và phục vụ chế biến sâu...

**Campuchia tạm thời cấm nhập khẩu các loại cá nuôi**

Thông tin từ Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia cho biết nước này tạm thời cấm nhập khẩu toàn bộ các loại cá nuôi trong nỗ lực nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm cùng loại ở trong nước.

Lệnh cấm được đưa ra sau cuộc họp hôm 8/1 giữa Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp và đại diện Hiệp hội Nuôi trồng thủy sản Campuchia, một số thương lái cá, các doanh nghiệp nhập khẩu và xuất khẩu.

Báo Khmer Times sáng 11/1 đưa tin lệnh cấm xuất phát từ việc một số trại nuôi cá ở Campuchia phàn nàn rằng công việc kinh doanh của họ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tình trạng thị trường tràn ngập các loại cá được buôn lậu từ các nước láng giềng của Campuchia, khiến giá cá nuôi trong nước sụt giảm.

Thông báo của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia khẳng định toàn bộ các loại

cá nuôi, đặc biệt là cá da trơn và cá lóc, có thể được nuôi trong nước, sẽ tạm thời bị cấm nhập khẩu từ các nước láng giềng cho tới khi có thông báo mới.

Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia yêu cầu Hiệp hội Nuôi trồng Thủy sản thu thập kỹ các dữ liệu tổng sản lượng cá nuôi, các loại cá được cung ứng cho thị trường nội địa và lượng tiêu thụ hàng tháng.

Thông báo của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia cho biết, ngay khi có được dữ liệu, Bộ này có thể sẽ khuyến nghị các nhà buôn trong nước mua cá nuôi nội địa để cung ứng cho thị trường. Các doanh nghiệp nhập khẩu và xuất khẩu cá nuôi đều nhất trí với quyết định này của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp.

Tại cuộc họp hôm 8/1, các nhà buôn đã nhất trí sẽ hợp tác với Bộ chủ quản để mua cá nuôi trồng trong nước trong từng khu vực.

Phát biểu trong một chuyến thăm trang trại nuôi trồng cá ở gần Phnom Penh hồi tuần trước, Bộ trưởng Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia Veng Sakhon cho biết lượng cá nuôi trong nước đã tăng đáng kể sau lời kêu gọi của Chính phủ về việc tăng cường đáp ứng nhu cầu nội địa và giảm lượng cá nuôi nhập khẩu.

Liên quan tới chủ trương trên, Chủ tịch Hiệp hội Nuôi trồng Thủy sản Campuchia, ông Sok Raden, cho biết Hiệp hội có khoảng 200 thành viên và họ có đủ năng lực cung

ứng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước. Ông cho biết các nhóm hỗ trợ kỹ thuật của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp đã hỗ trợ đáng kể cho các trang trại nuôi cá trong nước tăng sản lượng.

Thống kê từ Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia cho biết sản lượng cá nuôi trong nước đạt 400.000 tấn hồi năm 2020, trong khi sản lượng cá đánh bắt từ các hồ tự nhiên và biển lần lượt khoảng 413.000 tấn và 122.000 tấn.

### **Lào chuyển hướng thị trường nhập khẩu, cơ hội cho hải sản Việt Nam**

Ổ dịch Covid-19 tại một chợ hải sản của Thái Lan đã nhanh chóng lây lan ra nhiều tỉnh thành. Ngay lập tức, các doanh nghiệp kinh doanh hải sản của Lào đã chuyển sang tìm kiếm các nhà nhập khẩu hải sản của Việt Nam.

Sau lệnh cấm nhập khẩu hải sản Thái Lan vì lo ngại lây lan dịch Covid-19, các doanh nghiệp kinh doanh thủy sản Lào đang nhanh chóng tìm kiếm các nhà cung cấp mới từ Việt Nam.

Ổ dịch Covid-19 tại một chợ hải sản của nước láng giềng Thái Lan mới đây đã nhanh chóng lây lan ra nhiều tỉnh thành, khiến Chính phủ Lào lo lắng, ra lệnh tạm dừng nhập khẩu hải sản từ Thái Lan từ cuối tháng 12 năm 2020, cho đến khi hai nước tìm ra biện pháp đảm bảo sự an toàn trong việc xuất nhập khẩu mặt hàng này. Ngay lập

tức, các doanh nghiệp kinh doanh hải sản của Lào đã nhanh chóng chuyển sang tìm kiếm các nhà nhập khẩu hải sản của Việt Nam.

Lâu nay, nguồn hải sản Việt Nam nhập khẩu vào Lào chủ yếu từ vùng biển miền Trung, bằng đường bộ qua cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), với sản lượng chưa nhiều, chủ yếu do các tiểu thương là người Việt kinh doanh tại Lào đặt hàng cung cấp cho một số nhà hàng. Hầu hết hải sản được bán tại các siêu thị và chợ lớn của Lào là nhập khẩu từ Thái Lan. Hải sản Việt Nam được người tiêu dùng tại Lào ưa chuộng vì tươi ngon nhờ quãng đường vận chuyển ngắn. Tuy nhiên, chưa thể cạnh tranh với hải sản Thái Lan về giá cả và phương thức thanh toán. Nhiều nhà hàng hải sản tại thủ đô Vientiane cho biết, "chi phí đã tăng thêm từ 20% khi phải bán hải sản mua từ Việt Nam, sau khi có lệnh cấm nhập khẩu hải sản Thái Lan".

Việc chuyển hướng thị trường nhập khẩu là cơ hội để hải sản Việt Nam thâm nhập mạnh hơn vào thị trường Lào. Vấn đề còn lại là các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nắm bắt cơ hội này như thế nào và có cách tiếp cận thích hợp để hải sản Việt Nam có thể cạnh tranh với hàng hải sản Thái Lan tại một thị trường gần nhưng không có biển như Lào mà thôi.

**Trung tâm TTCN&TM**

# LỊCH TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN THÁNG 02/2021 CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Thông báo số 2404/TB-SCT ngày 31/12/2020 của Sở Công Thương)

Tuần/ Thứ	06 (từ ngày 01 - 05/02/2021)	07 (từ ngày 08-12/01/2021)	08 (từ ngày 15-19/02/2021)	09 (từ ngày 15-19/02/2021)
Hai	Võ Đình Vinh	Phan Văn Lương	NGHỈ TẾT	Phan Văn Lương
Ba	Quảng Thị Như Tâm	Quảng Thị Như Tâm	NGHỈ TẾT	Quảng Thị Như Tâm
Tư	Lưu Thanh Hùng	Lưu Thanh Hùng	NGHỈ TẾT	Lưu Thanh Hùng
Năm	Quảng Thị Như Tâm	NGHỈ TẾT	Võ Đình Vinh	Quảng Thị Như Tâm
Sáu	Lưu Thanh Hùng	NGHỈ TẾT	Lưu Thanh Hùng	Lưu Thanh Hùng

(Các phòng chuyên môn Sở cử người tham gia phối hợp tiếp công dân khi nội dung khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực phòng quản lý)



**Vịnh Vinh Hy**

- \* **Chịu trách nhiệm xuất bản:** Sở Công Thương Tỉnh Ninh Thuận
- \* **Địa chỉ:** Đường 16 tháng 4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận
- \* **Trưởng Ban biên tập:** Giám đốc sở
- \* **Phó Trưởng Ban biên tập:** Phó Giám đốc sở phụ trách hoạt động Văn phòng
- \* **Thành viên thường trực:** Chánh Văn phòng sở, Phó Chánh Văn phòng sở phụ trách công nghệ thông tin, Chuyên viên quản trị mạng: Thư ký
- \* **Các Thành viên:** Chánh Thanh tra sở, Trưởng phòng Quản lý công nghiệp, Trưởng phòng Quản lý thương mại.
- \* **Nơi in:** Cty CP In Ninh Thuận. Giấy phép xuất bản số: 07/GP-XBBT, ngày cấp 26\11\2020 của Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận. Số lượng 300 bản/số. Khổ 19x27cm, Nộp lưu chiều hàng số



An Khang  
Phình Vương  
Vạn Sự  
Như Ý



**“SIẾT CHẶT KỶ CƯƠNG, TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM,  
QUYẾT LIỆT HÀNH ĐỘNG, SÁNG TẠO BỨT PHÁ”**